

# Các dấu hiệu pháp lý của tội “hợp pháp hóa tiền, tài sản do phạm tội mà có” trong Luật hình sự Việt Nam

ThS. NGUYỄN KIÊN BÍCH TUYẾN

**T**huật ngữ “rửa tiền” có thể được hiểu ở nghĩa đen, làm cho đồng tiền bị dơ trở nên sạch, hoặc ở nghĩa bóng, khoác lên đồng tiền bất hợp pháp một chiếc áo hợp pháp để có thể sử dụng chúng một cách công khai. Việt Nam hiện nay chưa có luật riêng về tội rửa tiền nhưng Bộ Luật hình sự (BLHS) 1999, Luật phòng chống ma túy 2000 và Nghị Định 74/2005/NĐ-CP ban hành ngày 7-6-2005 về có đề cập về vấn đề này. Đầu tiên, Điều 251 BLHS1999 quy định tội “*Hợp pháp hóa tiền, tài sản do phạm tội mà có*” (luật Hình sự 1985 chưa có tội này). Theo Điều 251, rửa tiền là việc “Người nào thông qua các nghiệp vụ tài chính, ngân hàng hoặc các giao dịch khác để hợp pháp hóa tiền, tài sản do phạm tội mà có hoặc sử dụng tiền, tài sản đó vào việc tiến hành các hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động kinh tế khác”. Bài viết này tập trung phân tích cấu thành tội phạm của tội “*Hợp pháp hóa tiền, tài sản do phạm tội mà có*” trong Bộ luật hình sự Việt Nam 1999 (BLHS 1999) (dự thảo luật sửa đổi, bổ sung luật hình sự 1999 gọi là rửa tiền) và so sánh với một số quốc gia khác. Cấu thành tội phạm là những dấu hiệu chung có tính chất đặc trưng cho một loại tội phạm cụ thể được quy định trong BLHS, nói cách khác là sự mô tả tội phạm. Cấu thành tội phạm gồm có 4 yếu tố: khách thể, những biểu hiện về mặt khách quan, chủ quan và chủ thể của tội phạm.

## Mặt khách thể của tội phạm rửa tiền:

Đó là những mối quan hệ xã hội được Luật hình sự (LHS) bảo vệ và bị các hành vi phạm tội xâm phạm đến. Khi thực hiện hành vi rửa tiền, người phạm tội đã xâm phạm đến trật tự công cộng. Đó chính là khách thể của tội này. Trật tự công cộng là tình trạng ổn định, có tổ chức, có lý luật của các hoạt động phục vụ chung cho mọi người trong xã hội. Hành vi rửa tiền đã ảnh hưởng đến tính bình thường, an toàn của các hoạt động ngân hàng, đến môi trường kinh doanh, xâm phạm trật tự xã hội, gây khó khăn cho việc phát hiện, điều tra, xử lý người phạm tội cũng như cho việc thu hồi tài sản, tiền do bọn tội phạm chiếm đoạt. Chính vì vậy, tiền này được quy định tại chương XIX “*Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng*”. Tuy không trực tiếp nằm trong nhóm tội xâm phạm

an ninh quốc gia nhưng rửa tiền đã gây ra những thiệt hại về mặt an ninh của nhiều quốc gia bởi vì nó cung cấp tài chính cho các hoạt động mua bán ma túy, khủng bố, mua bán vũ khí trái phép, chống phá Nhà nước, tham nhũng, buôn lậu, phá hoại cơ sở vật chất kỹ thuật, v.v...và cung cấp tài chính cho những kẻ phạm tội khác để chúng duy trì và mở rộng lĩnh vực và địa bàn hoạt động. Giữa tội phạm rửa tiền và các hoạt động tội phạm khác có quan hệ tỉ lệ thuận: tình hình tội phạm rửa tiền càng nghiêm trọng thì tình hình của những tội phạm khác cũng gia tăng theo và ngược lại. Chống lại nạn rửa tiền không đơn thuần là chống lại tội phạm trong lĩnh vực tài chính mà còn có nghĩa là tước đi phương tiện phạm tội của những kẻ khủng bố và chống phá Nhà nước.

Đối tượng tác động cụ thể của loại tội phạm này chính là những đồng tiền do phạm tội mà có. Các Công ước quốc tế, Hướng dẫn của Ủy ban thuộc cộng đồng Châu Âu và quy định của FATF (Financial Action Task Force, lực lượng đặc nhiệm tài chính) đều thống nhất rằng đối tượng của hoạt động rửa tiền là thu nhập do các hoạt động phạm tội mà có. Nhưng Điều 251 và các văn bản hướng dẫn thi hành không quy định giới hạn loại tội phạm nguồn của tội này. Vậy, chúng ta có được quyền hiểu tiền, tài sản do phạm tội mà có là thu nhập có được từ tất cả các hoạt động phạm tội được quy định trong BLHS 1999? Nghiên cứu BLHS 1999, chúng ta thấy có khoảng hơn 80 tội có thể tạo ra các thu nhập bất hợp pháp. Liên quan đến tội phạm nguồn, thực tiễn áp dụng pháp luật đã đặt ra yêu cầu phải xác định rõ quan điểm có cần thiết phải chứng minh tội phạm nguồn tạo ra đồng tiền bất hợp pháp hay không trong một vụ án rửa tiền. Đây là vấn đề có ý nghĩa thực tiễn rất lớn bởi hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm và yêu cầu bảo vệ quyền con người phụ thuộc vào việc xác định quan điểm có buộc phải chứng minh về tội phạm nguồn hay không? Việc xử lý vấn đề này có thể dẫn đến 2 phương án:

- Khi xác định tiền do phạm tội mà có, phải chứng minh nó được tạo ra từ một tội phạm nguồn nào
- Khi xác định tiền do phạm tội mà có, không cần thiết phải chứng minh về tội phạm nguồn tạo

ra nó mà chỉ cần chứng minh đồng tiền đó không có nguồn gốc hợp pháp.

Phương án thứ nhất quan niệm tài sản do phạm tội mà có luôn gắn liền với việc chứng minh đồng tiền bất hợp pháp đó thu được do loại tội phạm nào. Điều này phù hợp với quy định của BLHS theo đúng nghĩa của nó. Nhưng cách quan niệm này sẽ gặp hạn chế khi việc chứng minh tội phạm nguồn cụ thể nào đã đưa lại khối tài sản bất hợp pháp đó là không dễ khi các tổ chức tội phạm luôn tìm cách che giấu hoạt động phạm tội. Cách quan niệm tài sản do phạm tội mà có là những tài sản không chứng minh được có nguồn gốc hợp pháp sẽ đem lại hiệu quả hơn trong hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm, đặc biệt là trong bối cảnh mà hoạt động tội phạm này ngày càng tinh vi hơn, tổ chức quy mô hơn. Tội rửa tiền lần đầu được quy định trong BLHS 1999 và thực tiễn xét xử Việt Nam còn xa lạ với loại tội phạm này. Do vậy, việc xác định quan điểm chính thức về tiền, tài sản do phạm tội mà có có ý nghĩa to lớn trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm. Về vấn đề này, trên thế giới cũng có các cách tiếp cận không giống nhau. Theo luật Pháp, để truy tố người phạm tội rửa tiền thì phải chứng minh được tội phạm nguồn nhưng không bắt buộc phải truy tố người thực hiện những tội phạm đó rồi mới được truy tố người phạm tội rửa tiền [11, tr 23]. Theo Công ước Vienna 1988, tiền do phạm tội mà có được là tiền thu được từ các hoạt động buôn bán ma túy. Điều này phản ánh phần nào yếu tố lịch sử. Vì vào thời điểm những năm 1980-1990, mua bán ma túy là loại tội phạm làm phát sinh thu nhập đáng kể nhất. 40 khuyến nghị của FATF lần đầu tiên được đưa ra vào 1990 như là một động thái chống lại việc sử dụng hệ thống tài chính để rửa tiền có được từ ma túy. Thống kê vào 1997 cũng cho thấy khoảng 60-80% các vụ án rửa tiền ở Mỹ là có liên quan đến ma túy [5]. Như vậy, việc chống rửa tiền lúc bấy giờ phản ánh đặc điểm tội phạm trong một giai đoạn lịch sử nhất định và nhằm làm giảm đi hoạt động mua bán ma túy. Công ước Strasbourg 141 năm 1990 về phòng chống rửa tiền là văn bản pháp lý đầu tiên quy định rằng tiền do phạm tội mà có là tiền có từ nhiều nguồn khác nhau, trong đó bao gồm buôn bán ma túy, vũ khí, kể cả buôn bán con người. Điều 1 trong hướng dẫn của ủy ban thuộc cộng đồng Châu Âu và khuyến nghị số 1 của FATF quan niệm rằng tiền do phạm tội mà có là tiền có được từ tất cả những tội phạm nghiêm trọng. Điều 6 của công ước Palermo 2000 (Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và các Nghị định thư) cho rằng tội phạm nguồn của tội phạm rửa tiền là mọi tội phạm<sup>1</sup>.

Luật của các quốc gia cũng có cách tiếp cận khác nhau trong việc quy định về tội phạm nguồn. Ví dụ, Trung Quốc, Đan Mạch, Bồ Đào Nha, Luxembourg quy định tội phạm nguồn chỉ liên quan đến ma túy [13]; Đức, Canada, Tây Ban Nha, Hy Lạp quy định phạm vi áp dụng tội rửa tiền vào những tội phạm nghiêm trọng như buôn bán ma túy, vũ khí, mại dâm [13]; Hồng Kông, Thụy Điển, Pháp, Bỉ, Áo quy định phạm vi áp dụng của tội rửa tiền cho tất cả các tội phạm hình sự [13]<sup>2</sup>. Luật hiện hành của Mỹ quy định tội phạm nguồn của tội rửa tiền là trên 197 tội và phần lớn những tội này là không phải tội phạm ma túy [3]. Tuy Điều 3 của Luật phòng chống ma túy của Việt Nam nghiêm cấm hành vi hợp pháp hóa tiền, tài sản do phạm tội ma túy mà có nhưng không vì vậy mà ta hiểu Điều 251 BLHS 1999 bị giới hạn vào một loại tội phạm nguồn cụ thể là các tội liên quan đến ma túy. Vì không có sự giới hạn nào trong BLHS 1999 cũng như chưa có văn bản nào quy định khác nên chúng ta có thể hiểu tội phạm nguồn của tội rửa tiền là tất cả các tội được quy định trong BLHS 1999 mà có phát sinh thu nhập cho bọn tội phạm. Như vậy, luật liên quan đến chống rửa tiền của các nước và của Việt Nam đều có điểm chung là đồng tiền đem “tẩy rửa” phải là thu nhập của các tội khác nữa chứ không đơn thuần chỉ là từ hoạt động mua bán ma túy như Công ước Vienna 1988 đã quy định. Chúng ta quan tâm đến tội phạm nguồn của tội phạm rửa tiền vì có liên quan đến việc đánh giá tình hình tội phạm rửa tiền, việc truy tố, xét xử. Nếu không giới hạn tội phạm nguồn thì vấn đề điều chỉnh sẽ trở nên quá rộng, nhất là khi có những tội mà thu nhập mang lại không lớn, không thường xuyên. Nếu chúng ta chỉ giới hạn trong một vài tội thì sẽ không bao quát hết các trường hợp là phát sinh thu nhập bất hợp pháp. Nếu Việt Nam chỉ quy định tiền do phạm tội mà có là tiền do mua bán ma túy thì bọn tội phạm sẽ mang tiền phạm tội ở những những quốc gia mà có quy định toàn bộ các hoạt động phạm tội là tội phạm nguồn của tội rửa tiền sang Việt Nam để rửa. Khi nghiên cứu về luật của các quốc gia trên thế giới, chúng ta thấy khác biệt lớn nhất trong vấn đề phòng chống rửa tiền là khác biệt trong việc quy định về tội phạm nguồn.

### Những biểu hiện về mặt khách quan của tội phạm rửa tiền:

Đó là những biểu hiện bên ngoài của tội phạm. Tội “*Hợp pháp hóa tiền, tài sản do phạm tội mà có*” là tội có cấu thành hình thức, nghĩa là khi người phạm tội đã thực hiện hành vi luật định thì xem như tội phạm đã hoàn thành. Hành vi khách quan của tội này là hành vi “*thông qua các nghiệp vụ*

<sup>1</sup> Điều 6 Công ước Palermo 2000 quy định: “Mỗi quốc gia thành viên sẽ coi cả những tội phạm nghiêm trọng được định nghĩa tại Điều 2 của Công ước này và những hành vi phạm tội quy định tại Điều 5, 8 và 23 là những hành vi vi phạm nguồn. Đối với quốc gia thành viên mà luật pháp của họ định rõ một danh sách các hành vi vi phạm nguồn cụ thể, thì ít nhất, họ sẽ gộp vào danh sách này một phạm vi tổng thể các hành vi phạm tội có liên quan đến những nhóm tội phạm có tổ chức;”, “hành vi phạm tội nguồn” nghĩa là bất kỳ một hành vi phạm tội nào dẫn đến việc làm phát sinh những tài sản có thể trở thành đối tượng của hành vi phạm tội được quy định trong các điều của Công ước này;”

<sup>2</sup> Mới đầu pháp luật Pháp chỉ quy định tội tẩy rửa tiền là việc hợp pháp hoá các khoản tiền có nguồn gốc từ buôn bán ma túy. Đến năm 1996, pháp luật Pháp mới quy định một loại tội mới, đó là tội tẩy rửa tiền có nguồn gốc từ tội phạm nói chung [10].

tài chính, ngân hàng, hoặc các giao dịch khác để hợp pháp hóa tiền, tài sản do phạm tội mà có hoặc hành vi sử dụng tiền, tài sản đó vào việc tiến hành các hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động kinh tế khác". Như vậy, mặt khách quan của tội này được thực hiện chủ yếu bằng một trong hai loại hành vi sau đây:

- Thứ nhất, bằng các thủ đoạn luật định như thông qua các nghiệp vụ tài chính, ngân hàng hoặc các giao dịch khác;

- Thứ hai, sử dụng tiền, tài sản do phạm tội mà có vào việc tiến hành các hoạt động kinh doanh hoặc các hoạt động kinh tế khác.

Đó là những hành vi khách quan của tội này. Hành vi đó có thể là hành động cũng có khi không hành động. Đối với những người có trách nhiệm kiểm tra, giám sát để báo cáo về những giao dịch có dấu hiệu nghi ngờ rửa tiền mà họ cố tình không thực hiện nhiệm vụ của mình thì hành vi này là hành vi không hành động trong việc rửa tiền. Thông qua những hành vi rửa tiền nói chung, chúng ta thấy việc rửa tiền được thực hiện thông qua 3 giai đoạn sau đây:

**Giai đoạn sắp đặt:** ở giai đoạn này, bọn tội phạm chuyển tiền do phạm tội mà có vào hệ thống tài chính, bằng cách gửi vào những tài khoản ngân hàng hoặc chia nhỏ các khoản tiền lớn dưới mức bị chú ý và gửi vào các định chế tài chính, chuyển đổi từ đơn vị tiền tệ này sang các đơn vị tiền tệ khác. Hơn nữa, tiền phi pháp còn được chuyển đổi thành các công cụ tài chính (như phiếu gửi tiền, séc,...); và được trộn lẫn với những đồng tiền hợp pháp để tránh bị nghi ngờ; mua chứng khoán hay ký hợp đồng bảo hiểm.

**Giai đoạn phân tán:** Giai đoạn này được tiến hành thông qua việc chuyển các khoản tiền này đến các trung tâm ngân hàng ở các nước (ví dụ những nước có các luật như bảo mật tuyệt đối cho khách hàng như Thụy Sĩ trước đây) hoặc được chuyển thành các trái phiếu vô danh hoặc chuyển tới một công ty chỉ có tên trên giấy tờ và vào các tài khoản đứng tên những người đã được chỉ định sẵn. Khi mua bảo hiểm để phục vụ cho việc rửa tiền, bọn tội phạm đã tiến hành giai đoạn sắp đặt và phân tán. Nói chung, làm cho đồng tiền phạm pháp càng cách xa nguồn gốc ban đầu càng tốt,

**Giai đoạn hội nhập:** Đây là lúc mà bọn tội phạm bắt đầu sử dụng tiền, tài sản đã được quay vòng nhiều lần để đầu tư một cách hợp pháp vào



các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Giai đoạn này kết thúc bằng việc mua tài sản như là bất động sản, hàng hóa, tiện nghi đắt tiền.

Tuy nhiên, tùy từng trường hợp mà việc rửa tiền có thể không tuân tự trải qua 3 giai đoạn như nêu trên. Ví dụ, tiền thu được từ buôn bán ma túy trên đường phố được bọn tội phạm đầu tư ngay vào một cơ sở kinh doanh hay công ty nào đó đang cần lượng tiền mặt khá lớn. Nhiều người nói rửa tiền và khủng bố có mối liên hệ một phần cũng là vì tài trợ khủng bố cũng có ba giai đoạn như trên nhưng chỉ khác ở chỗ

đối với tài trợ khủng bố thì ở giai đoạn thứ ba này tiền được chuyển cho bọn khủng bố, còn đối với rửa tiền thì tiền được đưa vào hoạt động đầu tư. Vậy 3 giai đoạn của rửa tiền nói trên có mối liên hệ như thế nào với 3 giai đoạn của tội phạm nói chung là chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt, tội phạm đã hoàn thành? Thật ra chúng không tương ứng với nhau vì nếu tương ứng thì khi hoàn tất cả 3 giai đoạn rửa tiền thì tội phạm rửa tiền mới bị xem là đã hoàn thành. Nhưng thật ra chỉ cần người phạm tội thực hiện các hành vi ở giai đoạn sắp đặt hoặc giai đoạn phân tán thì tội phạm rửa tiền đã bị xem là hoàn thành, chứ không cần phải thực hiện tất cả các hành vi.

### Những biểu hiện về mặt chủ quan của tội phạm:

Lỗi, động cơ, mục đích là những biểu hiện về mặt chủ quan của tội phạm. Trong đó, lỗi là yếu tố quan trọng nhất và là dấu hiệu bắt buộc của tội phạm. BLHS không chấp nhận việc quy tội khách quan, tức là để xác định tội phạm, chúng ta không thể chỉ dựa vào hành vi mà còn phải xác định xem là hành vi đó có lỗi hay không. Có thể hiểu, lỗi là trạng thái tâm lý bên trong của người phạm tội đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội của họ và đối với hậu quả của hành vi đó. Điều 9 và 10 của BLHS 1999 chia lỗi ra làm 2 loại: lỗi cố ý và lỗi vô ý. Nhưng ở tội "*Hợp pháp hóa tiền, tài sản do phạm tội mà có*" thì lỗi của người phạm tội phải là lỗi cố ý. Lỗi cố ý gồm có cố ý trực tiếp và cố ý gián tiếp. Cố ý trực tiếp là trạng thái tâm lý của người nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả xảy ra. Ví dụ như người nào đã biết rõ tiền, tài sản mà mình sử dụng vào hoạt động kinh doanh là tiền, tài sản do phạm tội mà có nhưng vẫn tiếp tục che giấu nguồn gốc của nó hoặc nhân viên ngân hàng biết rõ khách hàng yêu cầu mình mở nhiều tài khoản để gửi những đồng tiền có nguồn gốc tội phạm vào ngân hàng để rửa tiền nhưng vẫn làm theo yêu cầu của khách hàng mà không báo cáo cho cơ quan có

thẩm quyền hoặc nhân viên ngân hàng thấy có những giao dịch vượt mức quy định phải báo cáo nhưng không báo cáo. Cố ý gián tiếp là trạng thái tâm lý của người nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó, tuy không mong muốn nhưng vẫn cố ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra. Ví dụ, nhân viên ngân hàng vì sơ suất mà chưa báo cáo ngay hoặc quên báo cáo đối với những giao dịch có giá trị vượt mức quy định là báo cáo nhưng sau khi phát hiện ra sơ suất vì sợ bị kiểm điểm nên đã không báo cáo, để mặc cho việc rửa tiền xảy ra. Đối với lỗi vô ý, nếu một người nào vô tình tiếp tay cho việc rửa tiền thì tùy theo chủ thể, mức độ và tình huống mà có thể bị truy tố hay không và truy tố ở tội nào. Ví dụ, người trúng xổ số vì cần tiền gấp hoặc thấy thuận tiện nên đã bán vé số trúng độc đắc cho đại lý vé số hay bán cho một người quen và đại lý đó hoặc người quen đó đã sử dụng vé trúng đó vào mục đích rửa tiền. Thiết nghĩ, trường hợp này người thực sự trúng số không phạm tội rửa tiền cũng như các tội khác. Nhân viên ngân hàng vì tắc trách không kiểm tra các giao dịch để việc rửa tiền xảy ra thì có thể bị truy tố về tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng tại Điều 285 BLHS 1999.

Đặc điểm về mặt chủ quan này của tội “*Hợp pháp hóa tiền, tài sản do phạm tội mà có*” có điểm

tương đồng với quy định tại chỉ thị số 2001/97/EC của Quốc hội và Ủy ban châu Âu vào 4-12-2001 về sửa đổi bổ sung chỉ thị số 91/308/EEC về phòng chống việc sử dụng hệ thống tài chính vào mục đích rửa tiền. Điều 1 của Chỉ thị này nêu rõ “*Rửa tiền là những hành vi sau đây được tiến hành một cách cố ý*”. Luật của Thụy Điển đã chia lỗi trong tội phạm rửa tiền làm 2 loại là cố ý và vô ý [7]. Pháp luật của Bỉ còn trừng trị những người hoạt động chuyên môn về tội tẩy rửa tiền nếu họ mất cảnh giác. Các chuyên gia này có nghĩa vụ phải cảnh giác, xác minh nguồn gốc các khoản tiền mà mình giao dịch hay xử lý. Như vậy, kể cả trong trường hợp những người này vô ý rửa tiền thì họ cũng bị pháp luật trừng trị [10]. Đối với những quốc gia mà có quy định tội rửa tiền do vô ý như vật thì chỉ cần chứng minh có hành vi rửa tiền và những người có hành vi đó có đủ lý do để biết được đó là tài sản do phạm tội mà có là đã có thể truy tố họ về tội rửa tiền. Trong khi đó, khi phân tích quan niệm của Mỹ về tội phạm rửa tiền được quy định tại Chương 1965 phần 18 của Bộ luật hình sự liên bang, ta thấy rửa tiền là hành vi cố ý<sup>3</sup>. Đối với những nước mà quy định rửa tiền là hành vi do cố ý thì hành vi rửa tiền chỉ là tình tiết thực tế chưa đủ yếu tố cấu thành tội nếu không đi kèm theo nó là lỗi cố ý của người tiến hành hành vi đó.

(xem tiếp số 37)

<sup>3</sup> “Người nào biết được rằng tài sản tham gia vào giao dịch tài chính là tài sản có được do các hành vi phạm pháp nhưng tiến hành giao dịch đó để che giấu, ngụy trang bản chất, vị trí, nguồn, chủ sở hữu, quản lý tài sản đó”. Từ “biết được rằng” được hiểu với nghĩa là người phạm tội biết rõ là anh ta đang làm gì và hậu quả của việc làm đó là như thế nào.

## Đầu tư vào đâu khi kinh tế suy giảm?

(tiếp theo trang 56)

người rút tiền đầu tư vào BĐS tăng đáng kể. Nếu đầu tư vào BĐS với mục tiêu trung hạn và dài hạn thì thời điểm hiện nay có thể là hợp lý để đầu tư, đặc biệt là khi giá BĐS đã giảm xuống từ 30- 50% như hiện nay.

### Thị trường chứng khoán: chưa thấy đáy

TTCK liên tiếp xác lập hết đáy này đến đáy kia, nhưng đa số các nhà đầu tư đều có chung một nhận định: chưa phải là đáy cuối cùng. Trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục suy thoái, các TTCK trên thế giới mất điểm liên tiếp thì TTCK Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ. Hiện nay Vn-Index khá nhạy cảm với chỉ số chứng khoán trên thế giới, đặc biệt là Dow Jones của Mỹ và khả năng phục hồi của Vn-Index cũng phụ thuộc vào sức khỏe của Dow Jones. Nếu Dow Jones phá ngưỡng 7000 điểm thì khả năng Vn-Index có thể xuyên thủng ngưỡng 200.

Tình hình các doanh nghiệp niêm yết nhìn chung là rất khó khăn. Xuất khẩu giảm mạnh, cầu trong nước yếu trong khi một số nguyên vật liệu vẫn đứng ở giá cao làm các doanh nghiệp

phải thu hẹp sản xuất. Rất nhiều công ty bị đưa vào danh sách kiểm soát đặc biệt vì kết quả kinh doanh năm 2008 lỗ. Danh sách này đang ngày một dài ra gồm BBT, BTC, TRI, BHS, VTA, VHG... và có cả những Bluechips như Công ty cổ phần cơ điện lạnh REE. Các chuyên gia kinh tế dự đoán thế giới sẽ thoát khỏi khủng hoảng vào cuối năm 2009 và Việt Nam có thể phục hồi sớm hơn nhưng chắc chắn các doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn hơn năm 2008 và thời điểm cuối quý 1, đầu quý 2/2009 là thời điểm đặc biệt nhạy cảm. TTCK có thể dò đáy trong giai đoạn này. Do đó, tuy Vn-Index đã khá thấp nhưng vẫn còn rất rủi ro cho nhà đầu tư nếu quyết định giải ngân trong thời điểm này.

Với tình hình hiện nay, hợp lý nhất là “không bỏ hết trứng vào một giỏ” và nên có một lượng tiền mặt dự phòng trong những trường hợp thị trường diễn biến bất ngờ ngoài dự đoán của các nhà đầu tư. Đặc biệt, cho dù đầu tư vào chứng khoán, BĐS, vàng hay ngoại tệ thì nên sử dụng đồng tiền của chính mình và hạn chế tối đa vay mượn cho dù lãi suất đã ở mức tương đối thấp ■